

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 09-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sa Văn Linh và ông Đinh Mai Sao.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Thiệu, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Mùa A C, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1980; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Mùa A L (đã chết) và bà Lầu Thị C (đã chết); có vợ: Thào Thị S, sinh năm 1978 và 07 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án: Ngày 14/01/2014 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích khác hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Thào A S, sinh ngày 31 tháng 12 năm 1980; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Thào A G, sinh năm 1956 và bà Mùa Thị C, sinh năm 1958; có vợ: Hạng Thị L, sinh năm 1981 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Ngày 21/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 08/8/2008 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị bắt tạm giam ngày 10/01/2018 đến nay, có mặt.

- *Bị hại*: Bùi Văn V, sinh năm 1982; nơi cư trú: xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; Tạm trú: Nhà máy thủy điện H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Mùa A X, sinh 10/6/1998; nơi cư trú: bản TA, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người làm chứng*: Mùa A S, Mùa A S1, Thào A S; vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: Thào A C, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tiểu khu V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 01/9/2017 Mùa A C điều khiển xe máy nhãn hiệu SUFAT, BKS: 26K8 - 5163 đi đến nhà Thào A S, C rủ S “Mày với tôi cùng xuống dưới suối thủy điện tìm trộm ắc quy đi bán để có tiền tiêu”, S đồng ý và đem theo 01 chiếc đèn pin rồi cùng nhau điều khiển xe máy đi đến khoảng 01 giờ ngày 02/9/2017, C và S dừng xe máy ở cạnh đường và đi bộ đến đầu cầu treo đường đi vào nhà máy thủy điện H, C ở đó chờ, còn S tiếp tục đi đến bờ rào dùng tay cởi dây thép buộc lưới thép B40 tạo thành lỗ sau đó chui vào trong, quan sát thấy xe ô tô biển kiểm soát: 35C - 02994 có 02 bình ắc quy, S liền dùng hai tay vừa kéo, vừa lắc dây điện buộc hai đầu cực âm (-) và cực dương (+) của 02 bình ắc quy ra rồi cúi người, ghé vai trái vào vác bình ắc quy đi ra đưa bình ắc quy cho C vác đến nơi dựng xe máy, còn S tiếp tục quay lại lấy bình ắc quy thứ hai vác ra đến đầu cầu treo thì chuyển cho C vác đến chỗ để xe máy. Cả hai dùng dây cao su chằng buộc hai bình ắc quy trên yên xe máy, sau đó C điều khiển xe máy chở S và 02 bình ắc quy về; khi đi đến khu lán nương gia đình anh Mùa A D thì dừng xe lại và nhặt tại chỗ rác thải 02 bao tải màu vàng đỏ đã cũ rách rồi cho bình ắc quy vào, chằng buộc lại và cùng nhau điều khiển xe máy đi về thì gặp tổ công tác Công an viên bản T, công an xã T phát hiện bắt giữ. Trong lúc làm việc, lợi dụng sự sơ hở của công an viên, Thào A S đã bỏ trốn.

Bị chiếm đoạt tài sản, anh Bùi Văn V đã trình báo, đề nghị cơ quan chức năng điều tra làm rõ. Tiến hành điều tra, xác định hiện trường đã thu giữ với Mùa A C: 01 bình ắc quy GSN150 12V150Ah, kích thước 51x 21x 21cm, mặt trên màu xanh dương, có 06 nắp đồ axit màu đỏ (rơi mất 01 nắp đồ axit), mỗi bên đầu có 01 quai xách bằng nhựa cứng màu xanh dương, các mặt còn lại màu trắng, hai mặt cạnh có dòng chữ màu xanh ghi GS Plus one BATTERY VIET NAM Co.LTD made in Viet Nam, có dính nhiều bùn đất; 01 bình ắc quy N120 12V 120Ah, có kích thước 50cm x 17cm x 21cm, mặt trên màu đen, có 06 nắp đồ axit màu vàng, mỗi bên đầu có quai xách bằng nhựa cứng màu đen, các mặt còn lại màu trắng, hai mặt cạnh có dòng chữ màu đỏ ghi TOKYO SUPER CHARGING JAPENES TECHNOLOGY made in Thailand; 02 bao tải màu vàng đỏ, kích thước 55x 84cm, một bên có chữ URAE, xung quanh có dính bùn đất; 01 dây cao su màu đen dài 3.7m; 01 chiếc xe moto hai bánh, nhãn hiệu SUFAT loại xe win,

màu đen, BKS: 26K8-5163; số khung: M6B120076; số máy: FMG910402, xe đã qua sử dụng; truy tìm 01 đèn pin nhưng không thu giữ được.

Ngày 12/9/2017 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận về giá trị tài sản định giá gồm 02 bình ắc quy có giá trị tổng cộng là 2.560.000VNĐ.

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-SH ngày 05/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Mùa A C, Thào A S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do nhận thức hạn chế, không có tiền chi tiêu nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Mùa A C, Thào A S. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Mùa A C từ 12 đến 16 tháng tù, xử phạt Thào A S từ 12 đến 16 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo; áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: trả lại 02 chiếc bình ắc quy cho anh Bùi Văn V; trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SUFAT loại xe win, màu đen, BKS: 26K8-5163 cho anh Mùa A X; tịch thu và tiêu hủy 02 bao tải màu vàng đỏ, kích thước 55cm x 84cm, một bên có chữ URAE; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại tranh luận: đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật, đề nghị được nhận lại tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Mùa A X nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát, xin nhận lại xe máy và không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà là thống nhất, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản xác định hiện trường, thực nghiệm điều tra, lời khai người bị hại, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Khoảng 01 giờ ngày 02/9/2017 Mùa A C điều khiển xe máy nhãn hiệu SUFAT, BKS: 26K8 – 5163 chở Thào A S mang theo 01 chiếc đèn pin đi đến khu vực nhà máy thủy điện H xã H; đến nơi liền dừng xe máy ở cạnh đường rồi cùng nhau đi bộ đến đầu cầu treo đường đi vào nhà máy thì C dừng lại chờ, còn S tiếp tục đi đến bờ rào dùng tay cởi dây thép buộc tấm lưới thép B40 tạo thành lỗ sau đó chui vào trong quan sát thấy xe ô tô biển kiểm soát: 35C - 02994 có 02 bình ắc quy, S liền dùng hai tay vừa kéo, vừa lắc dây điện buộc hai đầu cực âm (-) và cực dương (+) của 02 bình ắc quy ra rồi vận chuyển cùng C mang đến nơi để xe máy dùng dây cao su chằng buộc hai bình ắc quy trên yên xe máy và cùng nhau điều khiển xe máy đi về thì bị tổ công tác phát hiện bắt giữ. Theo Kết luận định giá tài sản số: 08/KL-HĐĐG ngày 12/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B: 01 bình ắc quy GSN150 12V150Ah, kích thước 51x 21x 21cm, nhãn hiệu GS Plus one BATTERY VIET NAM Co.LTD made in Viet nam, có giá trị là 1.593.000VNĐ; 01 bình ắc quy N120 12V 120Ah, có kích thước 50cm x 17cm x 21cm, nhãn hiệu TOKYO SUPER CHARGING JAPENES TECHNOLOGY made in Thailand, có giá trị là 967.000VNĐ; tổng cộng là 2.560.000VNĐ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá 2.560.000VNĐ; hành vi đó đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mùa A C và Thào A S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo C và S là nguy hiểm cho xã hội, bản thân các bị cáo tuổi còn rất trẻ, đã được cải tạo giáo dục rèn luyện bản thân(đều đã chấp hành án phạt tù) nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ăn chơi đua đòi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác, đã rủ nhau chiếm đoạt tài sản có sự chuẩn bị, tính toán (xe máy, dây chằng, đèn pin, chờ đợi đêm khuya) lén lút cùng nhau chiếm đoạt tài sản, mục đích chi tiêu cá nhân nhưng khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại Điều 20, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình trong đó Mùa A C là người khởi xướng đồng thời cũng là người thực hành tích cực cùng Thào A S chiếm đoạt tài sản có giá trị 2.560.000VNĐ. Tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hậu quả xảy ra

không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản của anh V mà còn làm ảnh hưởng đến chính sách về giáo dục người phạm tội của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo S đã bỏ đi khỏi địa phương gây khó khăn cho công tác điều tra nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội và đề nghị phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bản thân các bị cáo đều là những người đã bị kết án phạt tù (Ngày 14/01/2014 Mùa A C bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 21/8/2014 Thào A S bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”), Mùa A C chấp hành xong hình phạt ngày 25/01/2016, Thào A S chấp hành xong hình phạt ngày 16/12/2015 về địa phương được tái hòa nhập cộng đồng nhưng các bị cáo không thấy đó là bài học, lao động làm ăn lương thiện để phát triển kinh tế gia đình và làm gương cho người khác mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì các bị cáo chưa được xóa án tích lại cố ý phạm tội, thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý” đã phạm tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 “tái Phạm”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại không lớn (tài sản được thu hồi); thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội); phạm tội ít nghiêm trọng, giá trị tài sản nhỏ, các bị cáo là dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, tuổi đời còn trẻ cần thiết xem xét khoan hồng, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Các bị cáo có nhân thân xấu, chưa thể hiện sự ăn năn hối cải, chính quyền địa phương xác định không chấp hành nghiêm chỉnh nội quy nơi cư trú, không có khả năng tự cải tạo, bản thân S được xét nghiệm dương tính (+) với ma túy nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục chung hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo lao động trồng trọt thu nhập thấp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo Thào A S để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo

S bị tạm giam từ ngày 10/01/2018 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù; bị cáo Mùa A C được tại ngoại.

[8] Vật chứng của vụ án:

01 bình ắc quy GSN150 12V150Ah, kích thước 51x 21x 21cm, nhãn hiệu GS Plus one BATTERY VIET NAM Co.LTD made in Viet nam; 01 bình ắc quy N120 12V 120Ah, có kích thước 50cm x 17cm x 21cm, nhãn hiệu TOKYO SUPER CHARGING JAPENES TECHNOLOGY made in Thailand là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Bùi Văn V nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp, căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 chiếc xe moto hai bánh, nhãn hiệu SUFAT loại xe win, màu đen, BKS: 26K8-5163; số khung: M6B120076; số máy: FMG910402 và 01 dây cao su màu đen dài 3.7m là tài sản thuộc sở hữu của anh Mùa A X, anh X không biết việc bị cáo mượn sử dụng làm phương tiện tội phạm. Do đó, trả lại xe máy trên cho anh Mùa A X, căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

02 bao tải màu vàng đỏ, kích thước 55cm x 84cm, một bên có chữ URAE, xung quanh có dính bùn đất là vật dụng các bị cáo đã nhặt tại chỗ rác thải khu lán nướng của Mùa A D; vật không có giá trị, cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Bùi Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản nên không có căn cứ giải quyết.

[10] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định các bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo C là hộ nghèo; các bị cáo xin miễn nộp tiền án phí; theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; Điều 33; điểm g, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53; khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Mùa A C và Thào A S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Mùa A C 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam thụ hình; không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

3. Xử phạt bị cáo Thào A S 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 10/01/2018; không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về vật chứng:

- Trả lại: 01 bình ắc quy GSN150 12V150Ah, kích thước 51x 21x 21cm, nhãn hiệu GS Plus one BATTERY VIET NAM Co.LTD made in Viet nam và 01 bình ắc quy N120 12V 120Ah, có kích thước 50cm x 17cm x 21cm, nhãn hiệu TOKYO SUPER CHARGING JAPENES TECHNOLOGY made in Thailand cho anh Bùi Văn V.

- Trả lại: 01 chiếc xe moto hai bánh, nhãn hiệu SUFAT loại xe win, màu đen, BKS: 26K8-5163; số khung: M6B120076; số máy: FMG910402 và 01 dây cao su màu đen dài 3.7m cho anh Mùa A X.

- Tịch thu và tiêu hủy của Mùa A C 02 bao tải màu vàng đỏ, kích thước 55cm x 84cm, một bên có chữ URAE.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2018 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

5. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Mùa A C và Thào A S.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSĐT, THAHS, Nơi giam);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà